BM - 005

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN** | | | |
| KHOA XÃ HỘI & NHÂN VĂN | | | Học kỳ: **211** | Năm học: | **2021 - 2022** |
| Mã học phần: **7TL0030** Tên học phần: **Tâm lý học nhân cách** | | | | | |
| Mã nhóm lớp HP: | **211\_7TL0030\_01, 03** | | | | |
| Thời gian làm bài: | **75 phút** | | | | |
| Hình thức thi: | **Tự luận – Lần 1** | | | | |
| **Cách thức làm bài (Giảng viên ghi rõ): SV làm bài trực tiếp trên trang thi online** | | | | | |

**ĐỀ BÀI**:

**Câu 1:** (3 điểm) Phân tích các đặc điểm của một người có tâm lý khỏe mạnh theo quan điểm của Carl Rogers?

**Câu 2:** (3 điểm) Vận dụng “lịch củng cố” trong hoạt động quản lý người lao động?

**Câu 3**: (4 điểm) Dựa vào học thuyết nhân cách nhu cầu, phân tích những ưu điểm và hạn chế của trường Đại học Văn Lang trong việc đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Đề ra các biện pháp khắc phục các hạn chế?

Ngày biên soạn: 26/11/2021

Ngày kiểm duyệt: 26/11/2021

Người kiểm duyệt: PGS.TS Lê Thị Minh Hà Giảng viên biên soạn đề thi

****

**Bùi Thị Hân**

BM - 005

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐÁP ÁN** | | | |
| KHOA XÃ HỘI & NHÂN VĂN | | | Học kỳ: **211** | Năm học: | **2021 - 2022** |
| Mã học phần: **7TL0030** Tên học phần: **Tâm lý học nhân cách** | | | | | |
| Mã nhóm lớp HP: | **211\_7TL0030\_01, 03** | | | | |
| Thời gian làm bài: |  | | | | |
| Hình thức thi: | **Tự luận – Lần 1** | | | | |

**Nội dung đáp án:**

**Câu 1:** (3 điểm) Phân tích các đặc điểm của một người có tâm lý khỏe mạnh theo quan điểm của Carl Rogers.

* Khả năng đón tiếp kinh nghiệm. Có khả năng chấp nhận hiện thực. (0.5đ)
* Lối sống hiện sinh: tập trung vào hiện tại (0.5đ)
* Tin vào chính bản thân. (0.5đ)
* Tự do kinh nghiệm. (0.5đ)
* Sáng tạo. (0.5đ)

🡪 Liên hệ bản thân (0.5đ)

**Câu 2:** (3 điểm) Vận dụng “lịch củng cố” trong hoạt động quản lý người lao động.

* Củng cố liên tục. (0.5đ)
* Lịch tỉ lệ số lần cố định: mô thức khoán sản phẩm. (0.5đ)
* Lịch khoảng cách thời gian cố định: sử dụng thời gian như một công cụ trong việc hình thành phản xạ có điều kiện. (0.5đ)
* Lịch tỉ lệ số lần thay đổi: thay đổi số lần có tính chu kì giữa hành vi và phần thưởng. (0.75đ)
* Lịch khoảng cách thời gian thay đổi: thay đổi thời gian có tính chu kì giữa hành vi và phần thưởng. (0.75đ)

**Câu 3**: (4 điểm) Dựa vào học thuyết nhân cách nhu cầu, phân tích những ưu điểm và hạn chế của trường Đại học Văn Lang trong việc đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

* Nhu cầu sinh lý (0.5đ)
* Nhu cầu an toàn (0.75đ)
* Nhu cầu tình cảm và được chấp nhận. (0.75đ)
* Nhu cầu được tôn trọng. (0.75đ)
* Nhu cầu tự khẳng định. (0.75đ)

🡪 Liên hệ với cơ sở vật chất và các hoạt động tại trường ĐH Văn Lang.

🡪 Biện pháp khắc phục các hạn chế. (0.5đ)